

# TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG ÂM HỒN TRONG TÂM THỨC CƯ DÂN VEN BIỂN QUẢNG NGÃI

PHẠM TẤN THIÊN\*

Thờ cúng âm hồn (cô hồn) là một phong tục khá phổ biến của người Việt vùng ven biển Quảng Ngãi. Biểu hiện qua sự tồn tại nhiều cơ sở thờ tự như nghĩa trũng, nghĩa tự, miếu âm hồn... với nghi lễ thờ cúng hàng năm được tổ chức tại các thôn, xã hết sức quy củ và trang nghiêm. Tuy từng vùng có những đặc trưng riêng, nhưng tựu trung lại vẫn là một mẫu số chung. Đó là nét đẹp, tính nhân văn sâu sắc trong tín ngưỡng dân gian của cư dân vùng ven biển Quảng Ngãi. Việc thờ cúng âm hồn của cư dân biển Quảng Ngãi tồn tại ở hai cấp độ: *gia đình* và *làng xóm*. Trong bài viết này, tác giả chỉ giới thiệu về tín ngưỡng thờ cúng âm hồn ở một số địa phương vùng ven biển và trên đất đảo Lý Sơn thuộc tỉnh Quảng Ngãi ở cấp độ *làng xóm* để thấy được tầm quan trọng của tín ngưỡng này trong đời sống của cộng đồng.

## 1. Vài nét khái quát

Tín ngưỡng thờ cúng âm hồn, cô hồn là một hình thức tín ngưỡng dân gian có từ lâu đời trong quần chúng nhân dân, nhưng nhờ được sự thừa nhận và có những chính sách rõ ràng về việc cúng tế, thờ phụng, trong các văn bản pháp quy của triều đình phong kiến qua các thời kỳ lịch sử mà tín ngưỡng này được củng cố và duy trì cho đến ngày nay.

Căn cứ vào nguồn tư liệu cũ để lại, trong số 8 bản hương ước của 8 làng xã tại Quảng Ngãi từ thời phong kiến có thể thấy, hầu như tất cả các bản hương ước này đều có quy định về việc tế tự tại các nghĩa trũng, nghĩa tự. Hương ước làng Thi Phổ Nhì, tổng Lai Đức, phủ Mộ Đức, ghi rõ: *Tại mỗi ấp đều có một sở ngoại đàng và một nghĩa trũng; mỗi khi tế xuân, thu, tại ngoại đàng thì dâng cúng một con bò hay một con heo phân phối và phẩm vật; tế nghĩa trũng thì dùng heo một con và phẩm vật*. Hay bản hương ước ở làng Long Phụng (phủ Mộ Đức) năm Bảo Đại thứ 12 cũng có ghi: *Phàm đình chùa trong làng và linh miếu, nghĩa từ trong các ấp, mỗi lệ tam nguyên, ngày tết dùng chè, xôi, rượu, chuối, nhang, đèn mà cúng, ngoài ra chỉ có một lễ tế xuân (trừ nơi chùa phải cúng chay); phẩm vật tế đình dùng trâu, heo, dê, rượu, chuối và nhang đèn cúng lễ nhạc chuông trống; còn người chủ tế và người dự tế thì hội đồng phải dự định trước (lễ cúng của làng 18 tháng 3 tế xuân, thì ngày 12 tháng ấy hội diện) trước ngày tế những người<sup>1</sup>*. Các bản hương ước làng Diên Niên, Quý Lâm, Phủ Lễ (Bình Sơn)... đều có ghi các điều khoản liên quan đến việc tế tự ở các nghĩa trũng, nghĩa tự.

Như vậy, ngay từ thời nhà Nguyễn, khắp nơi trong tỉnh Quảng Ngãi đã lập các đàn tế, các dinh miếu thờ âm hồn; các nghĩa tự, nghĩa trũng được thiết lập, tu sửa, hoàn thiện. Bên cạnh đình làng, miếu thờ

\* Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Thành Hoàng làng, thờ Mẫu, các thiên thần, nhân thần, thì lúc này người dân còn có thêm nghĩa trủng, nghĩa tự, miếu thờ âm hồn, cô hồn. Vì thế, cho đến nay, trong các làng quê dọc ven biển Quảng Ngãi nói riêng và các làng quê ven biển Nam Trung bộ nói chung còn rất nhiều nghĩa trủng, nhiều nghĩa tự. Vậy nghĩa trủng là gì? Nghĩa tự là gì?

*Nghĩa trủng* thực chất là một ngôi mộ chung cho những người chết vì làm việc nghĩa. Tất cả những ngôi mộ của chiến sĩ vô danh, những người vốn có công với đất nước, nhưng khi chết không ai xác định được danh tính đều được quy tập trung vào nghĩa trủng. Nhưng cũng có những nghĩa trủng, không chỉ có những hài cốt của những người có công, những chiến sĩ vô danh mà còn có cả xương cốt của những người vô chủ khác. Nghĩa trủng thường do làng xóm quản lý và đứng ra tổ chức cúng tế một cách tự phát. Tuy nhiên, cũng có nghĩa trủng do Nhà nước trực tiếp chăm lo việc quy tập hài cốt, trực tiếp tế lễ, như Hòa Vang nghĩa trủng (Đà Nẵng) - nơi quy tập và tế lễ những dân binh đã bị hy sinh trong các trận đánh với Pháp tại cửa Hàn vào thời Tự Đức<sup>2</sup>. Còn *nghĩa tự* có nghĩa là nơi thờ việc nghĩa, thường được đặt gần nghĩa trủng. Nghĩa tự là một thiết chế tín ngưỡng của cộng đồng, là nơi dùng để tế lễ các âm hồn, cô hồn không có ai thờ cúng, bao gồm cả các chiến sĩ trận vong, chiến sĩ vô danh.

Tín ngưỡng thờ cúng âm hồn, cô hồn phổ biến ở hầu khắp các vùng duyên hải Nam Trung bộ. Ở Quảng Ngãi, tín ngưỡng này vẫn còn tồn tại và duy trì hàng năm. Thông thường thì mỗi một thôn đều thành

lập một nghĩa trủng hoặc nghĩa tự để thờ cúng âm hồn, cô hồn. Tuy nhiên, có những nơi mật độ nghĩa tự, nghĩa trủng phân bố dày hơn, một thôn có thể có đến nhiều nghĩa trủng, nghĩa tự. Như thôn Tây xã An Vĩnh, Lý Sơn có Âm Linh tự và Miếu Âm hồn, thôn Tây xã An Hải, Lý Sơn có nghĩa tự An Hải và nghĩa tự xóm Trung Yên. Thôn An Thạnh, Bình Phú, huyện Bình Sơn, hầu như mỗi xóm đều có một nghĩa trủng (Chòm Lũy, Chòm Lồng, Lỗ Gia, An Sen), thôn Phú Nhiêu có nghĩa trủng Hoà Vang, Phú Thạnh... Hằng năm, tùy theo thời điểm, các nghĩa tự lại chọn một thời điểm riêng để tổ chức lễ cúng âm hồn. Nghĩa tự Hải Ninh xã Bình Thạnh tổ chức lễ cúng vào ngày 16 tháng Giêng, nghĩa tự An Sen tổ chức vào ngày 16/2 âm lịch, nghĩa tự thôn Phú Nhiêu III xã Bình Phú tổ chức ngày 10/3 âm lịch, nghĩa tự An Hải huyện Lý Sơn tổ chức vào ngày 15/3 âm lịch... Nhưng tất cả đều được tổ chức trong tiết xuân, nhiều nhất là vào tháng 2 hoặc tháng 3 âm lịch. Trước ngày lễ diễn ra, bà con lo đi giấy mã, chỉnh trang lại các phần mộ không có người hương khói, thờ cúng.

Thờ cúng âm hồn, cô hồn thì hầu như bất cứ nơi nào trên đất nước Việt Nam đều có. Có thể tổ chức tế lễ mang tính cộng đồng, làng xã, hoặc cũng có thể thờ cúng mang tính chất gia đình, cá nhân. Nhưng điều tác giả muốn nhấn mạnh ở đây là tại sao dọc ven biển của tỉnh Quảng Ngãi, tục thờ cúng âm hồn hết sức phổ biến và luôn được củng cố, duy trì qua các thời kỳ lịch sử?

Bởi một lẽ, ngày xưa, cư dân ven biển Quảng Ngãi làm nghề đánh bắt hải sản trên biển hết sức đơn sơ, phương tiện chủ yếu bằng thuyền nan, thuyền buồm, thuyền chèo nên lúc gặp sóng to gió lớn, bão tố

không đủ sức chống chọi. Nếu gọi *thần Nam Hải*<sup>3</sup> ứng cứu cũng hết sức hy hữu, không phải lúc nào khẩn nguyện thần cũng có mặt để cứu giúp. Trước biển cả mênh mông, con người trở nên vô cùng nhỏ bé, với những hiểm nguy luôn rình rập, tỉ lệ xảy ra tai nạn trên biển rất lớn nên người dân vùng biển rất coi trọng yếu tố tâm linh, việc thờ cúng nhiều và dày đặc cũng là lẽ dĩ nhiên. Riêng từ cửa biển Sa Cần, xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi chạy dọc theo bờ biển ra đến sân bay Chu Lai của tỉnh Quảng Nam, hằng năm, ít nhất cũng trên 10 thi thể của ngư dân dạt vào, không biết tên tuổi, không rõ lai lịch. Lúc này, bà con ngư dân vùng đó đứng ra lo ma chay, chôn cất và thờ cúng hàng năm tại nghĩa tự. Đó cũng chính là biểu hiện tính cách của người Việt: trọng tình cảm, có tấm lòng yêu thương, xót xa cho những số phận hẩm hiu của con người.

Sau nữa là trong chiến tranh, ngay từ thời chúa Nguyễn, đã có không biết bao nhiêu binh lính lẫn dân thường, người Việt lẫn người Chăm và một số bộ phận các tộc người sống cộng cư trên vùng đất này tử nạn. *Từ thế kỷ XVI - XVII trở đi, nơi đây thường xuyên xảy ra những cuộc giao tranh phù Lê diệt Mạc, những cuộc giao tranh Trịnh - Nguyễn, giữa quân Nguyễn Ánh và nhà Tây Sơn, gần đây nhất là hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Tất cả điều khốc liệt và hầu hết điều diễn ra dọc biển.* Nhiều người trực tiếp chiến đấu hi sinh, có người không ra trận nhưng bị bom rơi đạn lạc, chết bất đắc kỳ tử, những người có thân nhân thì nhận về, không có thân nhân thì bà con trong làng cũng lo việc chôn cất. Ngoài ra, trong quá trình Nam tiến của người Việt, khi đến

vùng đất này, với địa thế một bên là biển cả mênh mông, một bên là rừng núi trập trùng, thường xuyên đối mặt với điều kiện tự nhiên không thuận lợi, dịch bệnh, thú dữ, nên đã có rất nhiều người phải bỏ mạng dọc theo dải đất ven biển hoặc dưới lòng biển. Chính vì lẽ đó, quan niệm của người dân địa phương, tất cả những người chết, có thể là người dân bản địa hoặc là người từ nơi khác trôi dạt, phiêu bạt vào, đều là những số phận bất hạnh. Vì vậy, người dân thường xây dựng một quần thể tâm linh gần nhau, bên cạnh lăng tự thờ thần Nam Hải, còn có các nghĩa tự, nghĩa trung để thờ cúng tất cả những người chết không có thân nhân thờ cúng, hương khói, những người khuất mặt, mà rất nhiều trong số đó là dân chài.

## 2. Nghi lễ cúng tế

Tuy lịch trình tế tự ở các nghĩa tự, nghĩa trung mỗi địa phương có thể có vài điểm khác nhau, nhưng tựu trung lại, một lễ tế âm hồn của cư dân ven biển Quảng Ngãi thường diễn ra với các bước cơ bản như sau:

### 2.1. Lễ giã mã

Nếu như các gia đình, dòng họ làm lễ giã mã cho ông bà, tổ tiên trong gia đình, dòng họ vào dịp tháng Chạp (dịp lễ chạp mã), thì các thành viên trong cộng đồng làng xã không phân biệt là dân chính cư hay ngụ cư (hiện nay đổi lại thành thường trú và tạm trú) đều phải có nghĩa vụ chăm lo giã mã ở nghĩa trung, giã cỗ các mỗ mã bỏ hoang, không có người coi sóc, thờ cúng. Lễ giã mã thường tổ chức sớm hơn ngày lễ chính một ngày. Nếu lễ tế chính ở nghĩa tự vào ngày mùng 3 tháng 3, thì lễ giã mã được tiến hành vào ngày mùng 2

tháng 3; nếu tế vào ngày 16 tháng 3 thì lễ giấy mã sẽ tiến hành vào ngày 15 tháng 3.

Lễ giấy mã thường được tiến hành vào buổi sáng sớm, thành phần tham gia đa số là thanh niên, trai tráng trong làng, xóm, nhưng bên cạnh đó vẫn có một số lão niên đi theo để coi sóc, hướng dẫn cẩn thận để không bị sót ngôi mộ nào. Công việc chính là giấy sạch cỏ, vun đất cho những nấm mồ mưa gió lâu ngày đã “triền” xuống gần bằng mặt đất, sau đó thắp hương rồi ra về, tiếp tục chuẩn bị cho lễ túc yết và chánh tế vào ngày hôm sau. Đây là một việc làm chứa đựng ý nghĩa nhân văn cao cả, là tình cảm của người còn sống đối với những số phận bất hạnh đã khuất. Vì vậy, dân làng đều ý thức tham gia trên tinh thần tự nguyện, không tị nạnh việc làng, việc xóm.

## 2.2. Nghi lễ và lễ vật hiến tế

*Về nghi lễ:* Trong ngày tế lễ âm hồn, ngoài ông chủ nghĩa tự (ông cả) còn có nhiều người phụ tế (tư lễ, tư văn, bồi tế, các chủ nghĩa tự qua các thời kỳ...) và dân làng cùng tham gia. Trình tự tế lễ cũng theo các bước: *túc yết*<sup>4</sup>, *chánh tế* với đầy đủ chiêng trống, nhạc ngũ âm, đọc văn tế giống như một lễ tế thần. Mục đích chính của việc thờ cúng, bên cạnh cúng các vong hồn vô chủ, bất hạnh, còn là khẩn nguyện các đấng quý thần, âm hồn, cô hồn tề tựu đông đủ về tại nghĩa tự để con dân trong làng cung kính dâng mâm cỗ, phù hộ cho bà con cư dân khoẻ mạnh, làm ăn thuận lợi, “*nông được mùa bội thu, biển được mùa cá rộ*”. Tại các nghĩa tự thường xuyên diễn ra các hình thức cúng tế do mỗi người dân, mỗi hộ gia đình hay chủ thuyền trong làng tự đứng ra dâng lễ vật khẩn vái cầu mong bình an cho gia đình, họ hàng dòng tộc, làng mạc. Nhưng lễ tế chính ở nghĩa tự

là vào dịp Thanh Minh. Ở huyện đảo Lý Sơn có truyền thống trước mỗi chuyến ra khơi đánh bắt cá, các chủ thuyền đều thực hiện nghi thức dâng lên nghĩa tự 1 bàn trầu cau, hương đèn khẩn nguyện ra khơi đánh bắt được bình an, thuận lợi. Trong những lần như vậy, người quản lý nghĩa tự thường gõ 3 hồi chuông để các âm hồn, âm linh biết mà về hưởng đặng phù hộ độ trì cho chuyến ra khơi của chủ thuyền được bình an, đánh bắt được nhiều cá.

*Về cách thức tổ chức lễ tế âm hồn tại nghĩa tự:* Trong mỗi làng, có một người uy tín làm chủ nghĩa tự do dân trong làng bầu ra (ở Lý Sơn gọi là *ông cả làng*) ngoài ra còn bầu ra một số tiểu ban phụ trách vấn đề hậu cần, tài chính để lo việc tế lễ. Ông chủ nghĩa tự thường có nhiệm kỳ hai năm. Nếu người chủ nghĩa tự đang làm mà giữa chừng có người thân trong gia đình mất, phải mang tang thì phải cử một người khác lên thay, không được làm hết nhiệm kỳ. Điều này mang nặng yếu tố tâm linh. Theo quan niệm dân gian, nếu chủ nghĩa tự có tang mà vẫn làm hết nhiệm kỳ thì sẽ gây nên những điều không tốt, xui xẻo, không may cho cả làng. Ngoài ra, ông chủ nghĩa tự còn phải là một người có phẩm chất đạo đức tốt, có tâm hiền lành, trung thực.

*Lễ vật hiến tế:* Lễ vật cúng âm hồn theo chỉ dụ của triều đình, dành cho các *lệ đàn*, và những nơi thờ âm linh có quy mô lớn, thường là tam sinh (trâu/bò, dê, heo), rượu, vàng mã, do nhà nước tài trợ là chính, và được chế định cụ thể cho từng năm, còn ở các địa phương thì tùy theo điều kiện. Trước đây ở các xóm cũng thường cúng bò, heo, nhưng chủ yếu và do nhân dân trong xóm tự đóng góp. Ở nhiều nơi, lễ vật

cúng tế tại các nghĩa tự hết sức phong phú và đa dạng, bởi mỗi gia đình, tùy theo sản vật của gia đình làm ra, và tùy theo gia cảnh mà gia đình tự mang đến để cúng tế. Về việc bày biện lễ vật, có bát đĩa thì lễ vật được bày biện trên bát đĩa, còn không có bát đĩa thì lấy lá đa, lá chuối, lá dong... để đựng lễ vật hiến tế. Và sau khi hiến tế cho thần linh và các cô hồn, âm hồn thì tất cả mọi người đều được bình đẳng trong việc thừa hưởng tất cả các lễ vật đã được dâng cúng.

### 2.3. Thành phần tham gia lễ tế

Khác hẳn với ban tế tự đình làng, lăng, dinh, miếu thờ Thành hoàng, thờ các vị thần khác, phải do chính ông cả làng, hoặc ông *chủ xóm* và chỉ có *dân chính cư* tham gia thực hiện nghi lễ, sống trong lễ tế nghĩa tự, miếu âm hồn, *dân chính cư* và *cả dân ngụ cư* đều tham gia thực hiện nghi lễ. Trong việc thực hiện tế lễ, cả lễ yết lần lễ chánh tế đều thực hiện theo các bước sơ hiến, á hiến, và chung hiến, đều theo các bước quy định "tam tuần, bát bái", có đội đại chinh cổ, đội tiểu cổ, có ban nhạc ngũ âm, có phân hiến. Tuy nhiên, điều khác biệt trong lễ tế này, ở một số địa phương, *ông chủ tế*, và *cũng là chủ nghĩa tự đôi khi là người dân ngụ cư*. Vì thế có thể nói, tính nhân văn và tính cố kết cộng đồng, tính dân chủ, bình đẳng càng thể hiện hết sức sâu sắc trong thành phần tham gia vào việc phân công nhiệm vụ trong lễ giã gạo và tế tự ở các nghĩa trung, nghĩa tự.

### 3. Nét độc đáo của tín ngưỡng thờ cúng âm hồn trên đảo Lý Sơn (Trường hợp lễ khao lễ thế lính Hoàng Sa - đảo Lý Sơn)

Trên huyện đảo Lý Sơn, hiện có tới 4 nghĩa tự, hai ở xã An Vĩnh, hai ở xã An Hải. Tuy nhiên, tác giả chỉ khảo sát hai

nghĩa tự lớn của hai xã, vì hai nghĩa tự còn lại có quy mô nhỏ, là nơi thờ cúng của người dân trong một *lân*<sup>5</sup>. Nghĩa tự xã An Hải không có mái che. Nghĩa tự xã An Vĩnh có *mái che*<sup>6</sup>. Gian chính giữa có các ban thờ như các nghĩa tự phổ biến khác ở Quảng Ngãi. Gian bên tả dùng để thờ thần Thượng Thiên, gian bên hữu là nhà để chuẩn bị lễ vật hiến tế. Trước mặt âm linh tự là tháp thờ hình thang cân, có khắc 4 chữ trên 4 mặt: "*Chiến sĩ trận vong*". Nhìn chung, về kiến trúc nghĩa tự thờ âm hồn ở Lý Sơn tuy có những điểm tương đối khác so với các nơi khác trong tỉnh Quảng Ngãi (đặc biệt là ở Âm linh tự), nhưng hầu như các nghĩa tự, Âm linh tự đều có cách phân bố các bệ thờ giống nhau về cơ bản.

- Ban giữa thờ Thần Chúa Chưởng ôn hoàng (hay Tiêu Diện Đại Sĩ).

- Ban bên phải thờ thần A Sát Đé Mẫu.

- Bên trái thờ thần Diệm Khẩu Quý vương.

- Phía bên ngoài là 2 ban thờ 2 bên Thành Hoàng bốn xứ, tiền hiền khai khẩn hậu hiền khai cư và chính giữa là ban Hội đồng, trước mặt chính điện nghĩa tự là bức bình phong đắp nổi 2 mặt hình con lân hoặc long mã và 2 trụ biểu. Tuy nhiên, vẫn có một số trường hợp đặc biệt, bức bình phong ở một số nghĩa trung, nghĩa tự không chạm khắc theo mẫu hình lân hoặc long mã, mà có nơi chạm khắc hình ông Hồ như nghĩa tự thôn An Sen, đặc biệt hơn là chạm khắc hình cá kình như nghĩa trung xóm An Huệ, thôn An Thạnh (đều thuộc xã Bình Phú, huyện Bình Sơn). Chùa Âm hồn, một nơi thờ cúng âm hồn khác của xã An Vĩnh huyện Lý Sơn thì trên bức bình phong lại chạm khắc hình chim hạc.

- Mỗi ban thờ trong nghĩa tự được xây dựng như một am thờ nhỏ, với kiểu kiến trúc mái cong, trên đỉnh trang trí hình lưỡng long tranh châu. Đặc biệt ban thờ Hội đồng được xây lớn hơn so với các ban thờ khác.

- Các trụ được đắp nổi với mô típ rồng quấn quanh thân cột tạo nên vẻ tôn nghiêm cho nghĩa tự.

Đã thành truyền thống, tại Âm linh tự xã An Vĩnh, người dân không chỉ cúng tế những âm hồn, cô hồn như những nghĩa tự khác mà còn phối thờ các chiến sĩ đi Hoàng Sa. Việc các binh phu lên đường làm nhiệm vụ Tổ quốc đã có từ thời chúa Nguyễn, nhưng mãi đến thời Minh Mạng trở về sau, khi người ta thấy rằng các binh phu này ra đi không có ngày về, một đi không trở lại, vì vậy tại Âm linh tự này đã phối thờ cả *Chiến sĩ trận vong*. Như vậy, lúc này, Âm linh tự vừa có chức năng như một nghĩa tự, vừa mang ý nghĩa của một nghĩa trũng, là nơi thờ cúng các chiến sĩ đã hi sinh khi làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc mà thân xác không thể quy tập về quê hương, bản quán. Tại đây, hàng năm vào ngày 15 và 16 tháng 3 âm lịch, người dân xã An Vĩnh, tổ chức giã cỗ các nghĩa trũng, các mộ hoang trong làng, mộ gió của các hùng binh Hoàng Sa năm xưa; tổ chức lễ tế các âm hồn, cô hồn, đặc biệt là thực hiện nghi lễ *khao lễ tế lính Hoàng Sa*. Cần phải nói thêm, tế lính Hoàng Sa ở Âm linh tự là tế tập thể, làng tổ chức tế. Còn lại, mỗi tộc họ có cha ông đi làm nhiệm vụ ở Hoàng Sa, hàng năm đều có tổ chức tế lễ riêng. Âm linh tự có đối tượng thờ tự chính là âm hồn, cô hồn. Nhưng ngoài ra, điều

đặc biệt là ở chỗ, Âm Linh tự còn tổ chức *Lễ khao lễ tế lính Hoàng Sa* và hàng năm còn thực hiện nhiều chức năng khác như cúng cầu an, cầu mùa, tống ôn, tế lễ trong các dịp xuân thu nhị kỳ, trong các ngày tết, đua thuyền... Vì vậy, có thể khẳng định rằng, Âm linh tự ở An Vĩnh, Lý Sơn là một cơ sở thờ tự vô cùng độc đáo.

Cũng trên cơ tầng một lễ tế âm hồn, âm linh phổ biến trên khắp các làng quê ven biển tỉnh Quảng Ngãi, nhưng người dân An Vĩnh nói riêng, người dân Lý Sơn nói chung đã làm giàu thêm lễ tế của họ, đã tự ý thức một trách nhiệm thiêng liêng đối với những người bảo vệ chủ quyền trên vùng lãnh thổ ở biển Đông trong suốt hơn vài thế kỷ qua. *Tại lễ tế hàng năm, họ còn làm lễ phóng sinh, lễ thả đèn trên biển, lễ tế những hình nhân thế mạng, lễ thả thuyền hiến tế trên mặt biển cho những người đi lính thú Hoàng Sa. Và nghĩa tự âm linh An Vĩnh, lúc này, đã tự mang thêm một chức năng khác nữa, đó là chức năng của một đền thờ anh hùng, liệt sĩ.*

#### **4. Điểm chung và riêng trong tín ngưỡng thờ cúng âm hồn của người dân Quảng Nam và Quảng Ngãi**

Mặc dù Quảng Nam và Quảng Ngãi là hai tỉnh láng giềng, có vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên khá tương đồng. Tuy nhiên, văn hoá tín ngưỡng của người xứ *Quảng*<sup>7</sup> vẫn có nhiều điểm khác nhau. Cụ thể, trong tín ngưỡng thờ cúng âm hồn, mỗi tỉnh lại có những nét đặc trưng riêng. Dưới đây là một số điểm giống và khác nhau trong tín ngưỡng thờ cúng âm hồn của người dân Quảng Nam và Quảng Ngãi.

Tiêu chí so sánh	Quảng Nam	Ngãi Quảng
Về thuật ngữ	Âm hồn, cô hồn, âm linh, cô bác, các bác.	Phổ biến gọi là âm hồn, cô hồn.
Kiến trúc cơ sở thờ tự	Kiến trúc đơn giản, mang dáng dấp của một ngôi đình nhưng quy mô nhỏ hơn nhiều. Cả hai nơi đều thờ vị thần tối cao là Tiêu Diện Đại Sĩ (vị quản cô hồn, âm hồn).	
Nghi lễ, phong tục thờ cúng	- Phối thờ cả Quan Công. - Lăng Âm linh cũng là <i>nhà thờ chung</i> của làng vạn, tức của các chư tôn tộc phái, nên còn được gọi là <i>Đình thờ</i> . Là nơi thờ phụng các bậc Tiên bối đã bỏ mình trên biển của các họ tộc trong làng, mà cũng là của chung cả làng <sup>8</sup> . - Trình tự các bước tế lễ, thờ cúng phức tạp hơn. Có nơi còn có cả hội.	- Không thờ Quan Công. - Ở Quảng Ngãi có sự phân biệt rõ ràng trong mục đích sử dụng Đình làng, nghĩa trũng – nghĩa tự, nhà tiên hiền. Mỗi nơi có một hình thức thờ tự riêng. Không có hình thức <i>nhà thờ chung</i> cho cả làng như một số địa phương ở Quảng Nam. - Đơn giản hơn. Thường không có hội.
Về niềm tin	Khi xảy ra những việc như đánh nhau, trộm cắp, dịch bệnh, mất mùa biển... thì làng vạn phải mời thầy chùa về tụng kinh ba đêm, còn các ông chánh tế và bồi tế thì phải dọn mình sạch sẽ, ăn chay nằm đất 3 ngày 3 đêm tại lăng Âm linh.	Tác giả chưa nghiên cứu thấy những điều giống như ở Quảng Nam - Đà Nẵng.
Vị trí cơ sở thờ tự	Đều được xây dựng gần và cùng hướng với lăng Ông Nam Hải/cá voi. Mặt chính diện luôn hướng ra biển.	

Ngoài ra, về đối tượng thờ cúng giữa cư dân ven biển Quảng Nam và Quảng Ngãi cũng tương đối giống nhau, đó là thập loại cô hồn chết vì bệnh tật, chiến tranh, bão lũ; vong linh của dân sở tại, ngư dân các đời của các tộc họ bỏ mình trên biển, những người khuất mặt, chiến sĩ trận vong...

Tuy nhiên, về nghi lễ và phong tục lại có những điểm khác nhau. Cư dân ven biển Quảng Ngãi bên cạnh những nghi lễ bắt buộc như giã mả, túc yết, chánh tế, thì dường như đã rút gọn bớt một số nghi thức

so với cư dân ven biển Quảng Nam. Ở Quảng Ngãi, tín ngưỡng thờ cúng âm hồn chỉ chủ yếu chú trọng phần lễ, xong phần lễ là tới giai đoạn người dân chia sẻ mâm cỗ là kết thúc. Hầu như không có hội, hay diễn xướng *bả trạo*, *chèo âm linh* hay *hát chèo cô hồn* như của cư dân ven biển Quảng Nam. Như vậy, thiết chế tín ngưỡng thờ cúng âm hồn của cư dân vùng biển Quảng Nam - Đà Nẵng được “*toàn diện*” hơn so với cư dân ven biển Quảng Ngãi.

## 5. Thay lời kết

Tín ngưỡng thờ cúng âm hồn của cư dân ven biển Quảng Ngãi vốn có nguồn gốc từ nghi lễ “xá tội vong nhân” của Phật giáo. Tuy nhiên, khi đi sâu vào đông đảo tầng lớp nhân dân, đặc biệt là cư dân ven biển, nó đã có những thay đổi và mang âm hưởng của một tín ngưỡng dân gian khá sâu đậm. Qua việc nghiên cứu tín ngưỡng thờ cúng âm hồn của cư dân vùng ven biển, đảo của Quảng Ngãi, có thể thấy đây là một tín ngưỡng đầy chất nhân văn, thể hiện bản chất của người Việt - trọng tình, thương người, biết xót thương cho những số phận bất hạnh.

Bên cạnh một nghi lễ tâm linh truyền thống của cư dân biển, tín ngưỡng thờ cúng âm hồn còn mang nhiều lớp ý nghĩa

khác, đó là tư tưởng cầu an, cầu mùa của bộ phận cư dân vùng biển, luôn phải đối mặt với những rủi ro, bất trắc trong nghề nghiệp và trong cuộc sống. Đó là sự tri ân đến các bậc tiền nhân đã có công khai phá, gìn giữ và xây dựng làng xóm ngay từ những buổi đầu.

Cho đến nay, tín ngưỡng này vẫn giữ một vai trò rất quan trọng trong tâm thức cũng như đời sống của cá nhân và cộng đồng cư dân ven biển Quảng Ngãi, mở rộng ra là cả vùng Nam Trung bộ. Như vậy, rõ ràng, muốn nghiên cứu *văn hóa dân gian* của cư dân ven biển Quảng Ngãi đòi hỏi chúng ta phải nghiên cứu các hình thái *tín ngưỡng dân gian*, mà tín ngưỡng thờ cúng âm hồn là một minh chứng điển hình.



Mâm lễ vật người dân dâng cúng trong lễ cúng âm hồn tại Nghĩa tự An Hải, Lý Sơn, Quảng Ngãi (ngày 14/3/2012 âm lịch)

*Ảnh: Tấn Thiên*



Đọc văn tế trong lễ cúng âm hồn tại Nghĩa tự An Hải, Lý Sơn, Quảng Ngãi (ngày 14/3/2012 âm lịch)

*Ảnh: Tấn Thiên*

### Chú thích

1. Xem: Vũ Ngọc Khánh, Lê Hồng Khánh (sưu tập, biên soạn), 1996. *Hương ước Quảng Ngãi*, Sở Văn hóa thông tin Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
2. Xem: Nguyễn Đăng Vũ, 2006. *Tục thờ cúng âm hồn dọc biển*, Báo cáo Khoa học Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Trường Cao đẳng sư phạm Phú Yên.
3. *Thần Nam Hải*: tên gọi của Cá Ông (cá Voi), có sắc phong của vua Gia Long: "*Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân Thượng Đẳng Thần*".
4. *Lễ túc yết*: Thỉnh mời, gọi hồn người chết (hay còn gọi là lễ cúng kính ra mắt) chỉ cúng hương, hoa, trà, quả, để cáo với các vị quý thân và các âm hồn, cô hồn là lễ giỗ mà đã hoàn tất và biết để về tham dự ngày lễ khao tế của dân làng.
5. *Lân*: tương đương với 1 xóm.
6. *Mái che*: Nguyên thủy, tại các nghĩa tự, nghĩa trung không có mái che, đây chỉ là một cơ sở thờ tự lộ thiên, nhưng về sau, để thuận tiện trong việc thờ cúng, nhang khói, tránh mưa gió, nắng nóng nên người dân sáng tạo ra mái che.
7. *Xứ Quảng*: Quảng Nam - Đà Nẵng và Quảng Ngãi.
8. Nguyễn Xuân Hương, 2008. *Tín ngưỡng thờ Cô hồn - Cô bác của cư dân ven biển xứ Quảng (Quảng Nam và Đà Nẵng)*, Tạp chí *Khoa học và công nghệ* số 1 (Đại học Đà Nẵng).

### Tài liệu tham khảo

1. Đào Duy Anh, 2010. *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. Văn học, tr. 351.
2. Nguyễn Đăng Duy, 2009. *Văn hóa tâm linh*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr. 301.
3. Nguyễn Đăng Vũ, 2002. *Làng ven biển và cư dân ven biển Quảng Ngãi*, Tạp chí *Nguồn sáng dân gian*, Hà Nội, số 3.
4. Nguyễn Đăng Vũ, 2003. *Văn hoá dân gian của cư dân ven biển Quảng Ngãi*, Nxb. Viện Nghiên cứu Văn hoá Nghệ thuật, tr. 345.
5. Nguyễn Đăng Vũ, 2006. *Tục thờ cúng âm hồn dọc biển*, Báo cáo Khoa học Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Trường Cao đẳng sư phạm Phú Yên.
6. Nguyễn Xuân Hương, 2008. *Tín ngưỡng thờ Cô hồn - Cô bác của cư dân ven biển xứ Quảng (Quảng Nam và Đà Nẵng)*, Tạp chí *Khoa học và công nghệ* số 1 (Đại học Đà Nẵng).
7. Nguyễn Xuân Hương, 2009. *Tín ngưỡng cư dân ven biển Quảng Nam - Đà Nẵng: Hình thái, đặc trưng và giá trị*, Nxb. Từ điển Bách khoa & Viện Văn hoá, tr. 425.
8. Nhất Thanh, 1992. *Đất lề quê thói*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh, tr. 511.
9. Tập thể tác giả, 2008. *Văn hóa biển miền Trung và văn hóa biển Tây Nam Bộ*, Nxb. Từ điển Bách Khoa, Hà Nội, tr. 676.
10. Phan Khoang, 2001. *Việt sử xứ Đàng Trong*, Nxb. Văn học, tr. 556.
11. Toan Ánh, 1996. *Phong tục thờ cúng trong gia đình, nơi công cộng Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
12. Viện Văn hoá Thông tin, 2004. *Tiếp cận văn hoá nghệ thuật miền Trung*, Phân viện nghiên cứu Văn hóa thông tin tại Huế, tr. 401.
13. Vũ Ngọc Khánh - Phạm Minh Thảo - Nguyễn Vũ, 2002. *Từ điển văn hoá dân gian*, Nxb. Văn hoá Thông tin, tr. 720.
14. Wordsworth Reference, 2004. *Từ điển văn hoá bách khoa*, Nxb. Văn hoá Thông tin, tr. 723.